

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26/7/2019
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Lê Quế Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Sang;

Ông Dương Trần Trọng Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Nhật Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 257/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị D, sinh năm: 1965; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TB, xã T, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Ông Dương Văn Y, sinh năm: 1967; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TB, xã T, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 24/05/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày:

Bà và ông Dương Văn Y chung sống với nhau vào năm 1988, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 21/10/1988, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông Y có chửi mắng, đánh đập bà, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, nên ông bà đã ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Y.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Dương Cẩm T sinh ngày 17/7/1990 và Dương Minh C sinh ngày 04/01/1994, hiện hai con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Dương Văn Y trình bày: Ông thống nhất với những lời trình bày của bà D về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về mâu thuẫn như bà D trình bày là không đúng, giữa vợ chồng ông bà không có mâu thuẫn gì lớn, trước đây trong cuộc sống khi thấy vợ con làm những việc trái với ý muốn của ông thì ông có lớn tiếng nên đã bỏ đi ở riêng, ngoài ra giữa hai vợ chồng không có bất hòa hay mâu thuẫn gì khác. Do đó ông không đồng ý ly hôn với bà D, vợ ông tự bỏ đi thì tự về nhà chứ ông không đến rước.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Dương Cẩm T sinh ngày 17/7/1990 và Dương Minh C sinh ngày 04/01/1994, hiện hai con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Do không đồng ý ly hôn nên ông Y không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, bà D yêu cầu được ly hôn với ông Y nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do bị đơn ông Y có nơi cư trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Trần Thị D và ông Dương Văn Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 21/10/1988 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà D cho rằng bà và ông Y chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, ông Y thường xuyên chửi mắng và đánh bà khi bà làm những việc trái với ý muốn của ông Y nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Ông bà đã ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay.

Ông Y không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà D vì cho rằng giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, trước đây trong cuộc sống khi thấy vợ con

làm những việc trái với ý muốn của ông thì ông có lớn tiếng chửi mắng, nên bà D đã tự ý bỏ đi ở riêng.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà D cương quyết ly hôn với ông Y không đồng ý đoàn tụ, ông Y cũng thừa nhận trước đây khi vợ chồng cự cãi thì do nóng tính nên ông có đánh bà D, khi có bất đồng ý kiến thì ông cũng thường xuyên chửi mắng vợ, bà D và ông Y đã ly thân từ tháng 05/2018 cho đến nay, thời gian ly thân đã lâu mà ông Y cũng không đưa ra phương án cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Dương Cẩm T sinh ngày 17/7/1990 và Dương Minh C sinh ngày 04/01/1994, hiện hai con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà D và ông Y xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà D và ông Y xác định vợ chồng tự thỏa thuận về nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị D được ly hôn với ông Dương Văn Y.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Dương Cẩm T sinh ngày 17/7/1990 và Dương Minh C sinh ngày 04/01/1994, hiện hai con chung đã thành niên và có khả năng lao động được.

2. Về án phí: Bà Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà Trần Thị D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu

số 16725 ngày 27/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy bà D đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị D, ông Dương Văn Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Lê Quế Thanh